TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRIỆU SƠN
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 30/2020/ HNGĐ-ST
Ngày: 8- 9 -2020
V/v " Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Thủy
Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Xuân Anh và bà Ngô Thị Mai
- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Hạnh- Thư ký Toà án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.
- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn: Bà Nguyễn Thị Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 8 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 146 /2020/HNGĐ - ST ngày 18 tháng 5 năm 2020 về việc " Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2020/QĐST- HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 21/2020 ngày 21 tháng 8 năm 2020 giữa:
- **Nguyên đơn**: Chị Lê Thị N, sinh năm 1992
- **Bị đơn**: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1988
Cùng địa chỉ: Thôn 6, xã D, huyện T, tỉnh Thanh Hóa
Chị N và anh T đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai cũng như đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nguyên đơn là chị Lê Thị N trình bày giữa chị và anh Nguyễn Văn T đăng ký kết hôn ngày 10/01/2012 tại ủy ban nhân dân xã D, huyện T, tỉnh Thanh Hóa trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng anh, chị chung sống hoà thuận hạnh phúc với nhau được khoảng 04 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp, thường xuyên cãi nhau, anh T không chịu làm ăn, vào miền nam từ năm 2016 nghiện ma túy, nên đến tháng 12/2018 đã bị cai nghiện bắt buộc tại thành phố Hồ Chí Minh. Vợ chồng chị đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay, chị đã làm đơn xin ly hôn và gửi đến Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, nhưng do

anh T dọa nạt nên chị lại rút đơn. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng không ai quan tâm đến ai. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy chị N đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng anh, chị có 01 con chung với nhau tên cháu là Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 27/12/2012, hiện tại cháu đang ở cùng chị N. Ly hôn nguyện vọng của chị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu D, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Hiện tại chị đang làm công nhân tại công ty Sam Sung Thái Nguyên, lương ổn định, thu nhập từ 9 triệu đến 12 triệu/ tháng, nên chị thấy đủ điều kiện về kinh tế để nuôi dưỡng cháu D.

Về tài sản và phần nợ: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Nguyễn Văn T trình bày việc đăng ký kết hôn như chị N trình bày là hoàn toàn đúng. Vợ chồng có nhiều mâu thuẫn là do anh đi làm xa nên không quan tâm vợ được nhiều, vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên vợ chồng anh, chị đã sống ly thân được khoảng 3 năm, không ai quan tâm đến ai, nay chị N yêu cầu tòa giải quyết ly hôn, anh T cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh T trình bày vợ, chồng anh chị có một con chung, hiện nay cháu đang ở cùng chị N. Ly hôn nguyện vọng của anh muốn trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc D, không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Hiện nay anh T đang làm nghề đá, thu nhập bình quân mỗi tháng khoảng 15 triệu đồng, anh xét thấy đủ khả năng để nuôi cháu D phát triển ở môi trường tốt.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn tham gia phiên tòa có ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51; 56; Điều 81; 82; 83 luật hôn nhân gia đình; Điều 147; Điều 238 của bộ luật tố tụng dân sự ; Về hôn nhân: Chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của chị N, đề nghị Hội đồng xét xử, xử cho chị N ly hôn anh T; Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc D cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không phải đóng góp nuôi con chung cùng chị. Về tài sản và nợ chung anh, chị không yêu cầu nên không xem xét; Về án phí: Chị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1].Về tố tụng: Chị N có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; Anh T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa đến Tòa án để tham gia phiên tòa, mặc dù không vì sự kiện bất khả kháng và trở ngại khách quan nào, nhưng anh T không đến Tòa án, không có lý do; Căn cứ vào Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2].Về hôn nhân: Chị Lê Thị N và anh Nguyễn Văn T đăng ký kết hôn ngày 10 tháng 01 năm 2012 tại UBND xã D, huyện T, tỉnh Thanh Hóa trên cơ sở tự nguyện, như vậy là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống với nhau vợ chồng đoàn tụ hạnh phúc được khoảng 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, thường xuyên bất đồng về quan điểm sống, anh T đi làm xa nên không quan tâm đến chị N, không chăm lo đến gia đình, tháng 12/2018 anh T đã bị cai nghiện bắt buộc tại thành phố Hồ Chí Minh, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, vợ chồng anh, chị đã sống ly thân gần 4 năm nay không ai quan tâm đến ai.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị N đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn. Anh T cũng xin được giải quyết ly hôn. Xét yêu cầu của chị N thì thấy tình trạng hôn nhân của anh, chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy xử cho chị Lê Thị N được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

[3]. Về con chung: Vợ chồng anh, chị có một con chung với nhau tên cháu là Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 27/12/2012. Hiện tại cháu đang sống cùng chị N. Ly hôn chị N và anh T đều có nguyện vọng được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng. Xét việc yêu cầu được nuôi con của chị N và anh T đều chính đáng. Vì vụ án liên quan đến người chưa thành niên, nên ngày 29/5/2020 Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn đã tiến hành xác minh tại UBND xã Dân Quyền xác định nguyên nhân tranh chấp là do anh, chị bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hòa hợp. Hiện nay cháu D đang ở cùng chị N. Xuất phát từ lợi ích mọi mặt của cháu D, nhằm ổn định về tâm lý, sức khỏe cho bé, căn cứ vào Điều 81 luật hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử thấy cần giao cháu Nguyễn Ngọc D cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, việc giao cho chị N nuôi cháu D cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu. Anh T không phải đóng góp nuôi con chung cùng chị N.

[4].Về tài sản: Vợ chồng anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

*[5]. Về án phí***:** Chị Lê Thị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, Điều 238; khoản 4 Điều 147; Điều 271,khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của uỷ ban thường vụ Quốc hội, điểm 1.1, tiểu mục 1, mục II phần A danh mục mức án phí, lệ phí Toà án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016.

Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lê Thị N. Xử cho chị N được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 27/12/2012 cho chị N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, anh T không phải đóng góp nuôi con chung cùng chị N.

Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, chị N và các thành viên trong gia đình không được ngăn cấm, cản trở. Nếu trong quá trình nuôi con chị N không chăm sóc chu đáo ảnh hưởng đến sự phát triển sức khỏe, học tập, sinh hoạt của cháu D, thì anh T có quyền khởi kiện đến Tòa án yêu cầu thay đổi nuôi con chung.

Về tài sản: Tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

Về án phí: Chị Lê Thị N phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa theo biên lai số AA/2018/0003992 ngày 15 tháng 5 năm 2020 nay trừ vào án phí ly hôn, chị N đã nộp đủ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Tuyên bố cho anh, chị được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

***Nơi nhận*:**
- *VKS Triệu Sơn*
- *Các đương sự*
- *UBND xã Dân Quyền*
- *Thi hành án*
- *Lưu hồ sơ*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thủy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Duy Năm Đỗ Thị Hằng Lê Thị Thủy